



yǒu jī tǐ
有机体

noun · organism

Example Sentences

Xì jūn shì yī zhǒng jiǎn dān de yǒu jī tǐ
细菌是一种简单的有机体。

Bacteria are a simple organism.

kē xué jiā yán jiū zhè ge yǒu jī tǐ de shēng zhǎng guò chéng
科学家研究这个有机体的生长过程。

Scientists study the growth process of this organism.

Trace each character, then write the word on your own.

有	有	有	有	有	有	有	有	有		
机	机	机	机	机	机	机	机	机		
体	体	体	体	体	体	体	体	体	体	